

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHỔ YÊN - TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ vào Điều 211, Điều 212, khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 08/2020/TLST- Việc HN&GD ngày 24 tháng 04 năm 2020, về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Trần Quang T , sinh năm 1982

ĐKHKT: TDP Đồng Tâm, phường Ba Hàng, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên.

2. Chị Nguyễn Thị H , sinh năm 1985

ĐKHKT: TDP Đồng Tâm, phường Ba Hàng, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Quang T và chị Nguyễn Thị H kết hôn năm 2008, có đăng kết hôn tại UBND xã Thành Công, huyện Phổ Yên (nay là thị xã Phổ Yên). Sau khi kết hôn cuộc sống hạnh phúc. Từ năm 2015 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. nguyên nhân chủ yếu bất đồng quan điểm sống, không có sự cảm thông và thấu hiểu công việc của nhau, cả hai đều cố gắng hòa giải để vợ chồng đỡ căng thẳng nhưng không đem lại kết quả, mâu thuẫn vợ chồng dẫn đến đời sống chung bị ảnh hưởng cả đến tâm lý và học tập của các con. Vợ chồng đã ly thân từ cuối năm 2018 đến nay hơn một năm, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Xét thấy, tình trạng hôn nhân của anh T và chị H mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc thuận tình ly hôn được ghi nhận trong Biên bản thỏa thuận về ly hôn; Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 28 tháng 04 năm 2020, là thực sự tự nguyện, cần được chấp nhận.

[2] Về con chung: Anh Trần Quang T và chị Nguyễn Thị H xác định quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung: cháu Trần Trâm A, sinh ngày 03/6/2009; cháu Trần Gia B, sinh ngày 16/6/2013.

Đôi bên thỏa thuận người trực tiếp nuôi dưỡng con chung như sau: Giao con chung thứ nhất cháu Trần Trâm A, sinh ngày 03/6/2009 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; Giao con chung thứ hai cháu Trần Gia B, sinh ngày 16/6/2013 cho anh Trần Quang T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với mỗi bên. Đôi bên có quyền thăm, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

[3] Về tài sản chung: Anh T, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Khoản nợ chung: Anh Trần Quang T và chị Nguyễn Thị H thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về vấn đề khác: Không có

[6] Về lệ phí Tòa án: Anh Trần Quang T và chị Nguyễn Thị H thống nhất thỏa thuận cùng chịu lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, Biên bản thỏa thuận về ly hôn mà không có đương sự nào ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Quang T và chị Nguyễn Thị H.

- *Về con chung*: Công nhận sự thỏa thuận về người trực tiếp nuôi dưỡng con chung như sau: Giao con chung thứ nhất cháu Trần Trâm A, sinh ngày 03/6/2009 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục; Giao con chung thứ hai cháu Trần Gia B, sinh ngày 16/6/2013 cho anh Trần Quang T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với mỗi bên.

Sau khi ly hôn, đôi bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục các con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết anh T, chị H được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- *Về tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Khoản nợ chung, khoản cho vay chung*: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về vấn đề khác*: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Trần Quang T và chị Nguyễn Thị H thỏa thuận cùng chịu lệ phí giải quyết việc dân sự 300.000đ. Anh T, chị H được đối trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0004696 ngày 24/4//2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phổ Yên. Xác nhận đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã Phổ Yên;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- THADS thị xã Phổ Yên;
- UBND xã Thành Công (nơi ĐK kết hôn);
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Hồ sơ VDS;
- Lưu VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Hà